

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 634/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP. HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Bà Võ Thị Thanh Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1275/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1993 (có mặt)

CCCD số: 075193017165

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện T, Tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

CCCD số: 086091011848

Địa chỉ: 30/10B ấp L, xã B, huyện H, Tp.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/7/2024, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/14/2025 nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2018 tại UBND xã N, huyện T, Tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Vào cuối năm 2022, giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; ông B hay cờ bạc, bà đã góp ý nhiều lần nhưng ông B không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Lê Nhân N, sinh ngày 01/8/2018 và Nguyễn Lê Đức T, sinh ngày 16/01/2023. Từ lúc ly thân, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nghĩa và Trung. Hơn nữa, bà có thu nhập ổn định. Do đó, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 14/4/2025: Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H tự nguyện chung sống với **năm 2017** và có đăng ký kết hôn ngày **05/3/2018** tại UBND xã N, huyện T, Tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, ông và bà H thuê nhà trọ và sinh sống tại huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống cũng hạnh phúc, Vào cuối năm 2022, giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay ông cũng không còn tình cảm với bà H nữa, ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Lê Nhân N, sinh ngày 01/8/2018 và Nguyễn Lê Đức T, sinh ngày 16/01/2023. Ông B đề nghị giao cho ông trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nghĩa, bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn B chung sống

với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 do xã N, huyện T, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/3/2018 cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H và ông B đều trình bày cuộc sống gia đình ban đầu hạnh phúc nhưng về sau, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mỗi người một cuộc sống riêng, không còn chung sống với nhau nữa trong thời gian dài. Ông B đồng ý với yêu cầu ly hôn với bà H. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà H và ông B đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông B tự khai có 02 con chung tên Nguyễn Lê Nhân N, sinh ngày 01/8/2018 và Nguyễn Lê Đức T, sinh ngày 16/01/2023. Hội đồng xét xử nhận định: sau khi bà H và ông B sống ly thân thì bà H là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ N và trẻ T theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cở sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông B không đưa ra chứng cứ chứng minh khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con trẻ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, sức khỏe của trẻ N và trẻ T, cần giao trẻ N và trẻ T cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông B cho đến khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa

án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Bà H và ông B tự khai có 02 con chung tên Nguyễn Lê Nhân N, sinh ngày 01/8/2018 và Nguyễn Lê Đức T, sinh ngày 16/01/2023. Giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N và trẻ T, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông B cho đến khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai số 0042670 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

